刑事訴訟
VỀ TRÌNH TỰ KHIẾU NẠI PHÁN QUYẾT

裁判救濟程序

Điều khoản hướng dẫn trình tự khiếu nại bằng văn bản đối với phán quyết

壹、 上訴部分

I.Về việc kháng cáo

一、不服地方法院第一審判決

1.Không đồng ý với phán quyết sơ thẩm của Tòa án địa phương

《201》得上訴

（無告訴人、被害人）

如不服本判決應於收受送達後 20 日內向本院提出上訴書狀，並應敘述具體理由；其未敘述上訴理由者，應於上訴期間屆滿後 20 日內向本院補提理由書（均須按他造當事人之人數附繕本）「切勿逕送上級法院」。

《201》Được kháng cáo

(Không có nguyên đơn, người bị hại)

Khi không đồng ý với phán quyết này, sau khi tống đạt, trong thời hạn 20 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án và nêu rõ lý do kháng cáo. Nếu chưa nêu ra lý do kháng cáo, trong thời hạn 20 ngày phải nộp đơn nêu rõ lý do kháng cáo cho Tòa án (phải đính kèm bản sao theo số người của đương sự phía bên kia). Không trực tiếp nộp đơn vượt cấp của Tòa án.

《202》得上訴

（有告訴人、被害人）

如不服本判決應於收受送達後 20 日內向本院提出上訴書狀，並應敘述具體理由；其未敘述上訴理由者，應於上訴期間屆滿後 20 日內向本院補提理由書（均須按他造當事人之人數附繕本）「切勿逕送上級法院」。告訴人或被害人如對於本判決不服者，應具備理

由請求檢察官上訴，其上訴期間之計算係以檢察官收受判決正本之日期為準。

《202》Được kháng cáo

(Có nguyên đơn, người bị hại)

Khi không đồng ý với phán quyết này, sau khi tống đạt, trong thời hạn 20 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án và nêu rõ lý do kháng cáo. Nếu chưa nêu ra lý do kháng cáo, trong thời hạn 20 ngày phải nộp đơn nêu rõ lý do kháng cáo cho Tòa án (phải đính kèm bản sao theo số người của đương sự phía bên kia). Không trực tiếp nộp đơn vượt cấp của Tòa án. Nguyên đơn hoặc người bị hại nếu không đồng ý với phán quyết này, phải có lý do để yêu cầu kiểm sát viên kháng cáo, cách tính toán khoảng thời gian kháng cáo được dựa trên ngày mà kiểm sát viên nhận được bản chính của văn bản phán quyết.

二、不服地方法院之協商判決

2.Không đồng ý với phán quyết thương lượng của Tòa án địa phương

《203》不得上訴

不得上訴。但有刑事訴訟法第 455 條之 4 第 1 項第 1 款、第 2 款、第 4 款、第 6 款、第 7 款所定情形，或協商判決違反同條第 2 項之規定者，應於收受送達後 20 日內向本院提出上訴書狀，並應敘述具體理由；如未敘述上訴理由者，應於上訴期間屆滿後 20 日內向本院補提理由書（均須按他造當事人之人數附繕本）「切勿逕送上級法院」。

《203》Không được kháng cáo

Không được kháng cáo. Nhưng nếu thuộc trường hợp được quy định tại điểm 1, điểm 2, điểm 4, điểm 6, điểm 7 của khoản 1 điều 455-4 trong Luật tố tụng hình sự, hoặc phán quyết thương lượng vi phạm quy định của khoản 2 điều 455-4, sau khi tống đạt, trong thời hạn 20 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án và nêu rõ lý do kháng cáo. Nếu chưa nêu ra lý do kháng cáo, trong thời hạn 20 ngày phải nộp đơn nêu rõ lý do kháng cáo cho Tòa án (phải đính kèm bản sao theo số người

của đương sự phía bên kia). Không trực tiếp nộp đơn vượt cấp của Tòa án.

三、不服地方法院之簡易判決

3.Không đồng ý với phán quyết mà Tòa án địa phương đã áp dụng thủ tục rút gọn

《204》得上訴

如不服本件判決，得自收受送達日起 20 日內提出上訴狀，上訴於本院管轄之第二審地方法院合議庭。

《204》Được kháng cáo

Khi không đồng ý với phán quyết của vụ án này, sau khi tống đạt, trong thời hạn 20 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án, kháng cáo với Hội đồng xét xử của phiên tòa xét xử lần hai trực thuộc Tòa án địa phương có thẩm quyền.

《205》不得上訴

（刑事訴訟法第 455 條之 1 第 2 項：依第 451 條之 1 之請求所為之科刑判決，不得上訴）

不得上訴。

《205》Không được kháng cáo

(Khoản 2 điều 455-1 Luật tố tụng hình sự: Căn cứ theo quy định của điều 451-1 phán quyết khung hình phạt, không được kháng cáo)

Không được kháng cáo.

四、不服高等法院之第二審或第一審判決

4.Không đồng ý với phán quyết lần hai hoặc lần đầu của Tòa án Cấp cao

《206》得上訴

《206》Được kháng cáo

《206-1》（一般判決）

如不服本判決，應於收受送達後 20 日內向本院提出上訴書狀，其未敘述上訴之理由者並得於提起上訴後 20 日內向本院補提理由書（均須按他造當事人之人數附繕本）「切勿逕送上級法院」。

《206-1》(Phán quyết chung)

Khi không đồng ý với phán quyết này, sau khi tống đạt, trong thời hạn 20 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án và nêu rõ lý do kháng cáo. Nếu chưa nêu ra lý do kháng cáo, trong thời hạn 20 ngày phải nộp đơn nêu rõ lý do kháng cáo cho Tòa án (phải đính kèm bản sao theo số người của đương sự phía bên kia). Không trực tiếp nộp đơn vượt cấp của Tòa án.

《206-2》（被告無罪部分不得上訴，檢察官限於刑事妥速審判法第 9 條之情形得上訴）

無罪部分，被告不得上訴。檢察官如不服本判決，應於收受送達後 20 日內向本院提出上訴書狀，惟須受刑事妥速審判法第 9 條限制。其未敘述上訴之理由者，並得於提起上訴後 20 日內向本院補提理由書（均須按他造當事人之人數附繕本）「切勿逕送上級法院」。

刑事妥速審判法第 9 條：

除前條情形外，第二審法院維持第一審所為無罪判決，提起上訴之理由，以下列事項為限：

一、 判決所適用之法令牴觸憲法。

二、 判決違背司法院解釋。

三、 判決違背判例。

刑事訴訟法第 377 條至第 379 條、第 393 條第 1 款之規定，於前項案件之審理，不適用之。

《206-2》(Bị cáo được kết án vô tội không được quyền kháng cáo, kiểm sát viên chỉ được kháng cáo trong trường hợp được quy định tại điều 9 Luật xét xử thỏa đáng và nhanh chóng).

Bị cáo được kết án vô tội không được quyền kháng cáo. Kiểm sát viên khi không đồng ý với phán quyết này, sau khi tống đạt, trong

thời hạn 20 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án, và chỉ bị giới hạn bởi điều 9 Luật xét xử thỏa đáng và nhanh chóng. Khi chưa nêu rõ lý do kháng cáo, sau khi đưa ra kháng cáo, trong thời hạn 20 ngày phải bổ sung đơn trình bày lý do kháng cáo cho Tòa án (đều phải đính kèm bản sao theo số người của đương sự phía bên kia). “Tuyệt đối không nộp đơn trực tiếp vượt cấp của Tòa án”.

Điều 9 Luật xét xử thỏa đáng và nhanh chóng:

Ngoại trừ trường hợp nêu trên, Tòa án xét xử lần hai giữ nguyên kết quả xét xử lần đầu với phán quyết vô tội, lý do kháng cáo, chỉ giới hạn với những điều sau:

1. Điều luật được áp dụng cho phán quyết vi phạm Hiến pháp.
2. Phán quyết trái với giải thích của Viện Tư pháp.
3. Phán quyết trái với án lệ.

Căn cứ theo quy định điều 377 đến điều 379, khoản 1 điều 393 Luật tố tụng hình sự, không được áp dụng để xét xử các vụ án trên.

《206-3》（被告○○罪部分不得上訴、其他部分得上訴）

○○罪部分，不得上訴。

其他部分，如不服本判決，應於收受送達後 20 日內向本院提出上訴書狀，其未敘述上訴之理由者，並得於提起上訴後 20 日內向本院補提理由書（均須按他造當事人之人數附繕本）「切勿逕送上級法院」。

《206-3》(Về tội ○○ của bị cáo không được quyền kháng cáo, các phần khác được quyền kháng cáo)

Về tội ○○, không được phép kháng cáo.

Những tội khác, khi không đồng ý với phán quyết này, sau khi tống đạt, trong thời hạn 20 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án và nêu rõ lý do kháng cáo, khi chưa nêu rõ lý do kháng cáo, sau khi đưa ra kháng cáo, trong thời hạn 20 ngày phải bổ sung đơn trình bày lý do kháng cáo cho Tòa án (đều phải đính kèm bản sao theo số người của đương sự phía bên kia). “Tuyệt đối không nộp đơn trực tiếp cho cấp trên của Tòa án”.

《207》不得上訴

（刑事妥速審判法第 8 條規定不得上訴之判決）

不得上訴。

《207》Không được kháng cáo

(Phán quyết không cho phép kháng cáo theo quy định của điều 8 luật thỏa đáng và nhanh chóng xét xử định khung hình phạt)

Không được kháng cáo.

《208》不得上訴

《208》Không được kháng cáo

《208-1》（刑事訴訟法第 376 條各罪之案件）

不得上訴。

《208-1》(Vụ án gồm các tội tại điều 376 Luật tố tụng hình sự)

Không được kháng cáo.

《208-2》（例外得上訴第三審法院）

依據刑事訴訟法第 376 條第 1 項但書規定，得上訴第三審法院。被告或得為被告利益上訴之人，如不服本判決，應於收受送達後 20 日內向本院提出上訴書狀，其未敘述上訴之理由者並得於提起上訴後 20 日內向本院補提理由書（均須按他造當事人之人數附繕本）「切勿逕送上級法院」。

《208-2》(Các trường hợp ngoại lệ được kháng cáo tại Tòa án xét xử lần thứ ba)

Căn cứ theo quy định khoản 1 điều 376 Luật tố tụng hình sự, được kháng cáo tại Tòa án xét xử lần thứ ba.

Bị cáo hoặc người vì lợi ích của bị cáo mà kháng cáo, khi không đồng ý với phán quyết này, sau khi tống đạt, trong thời hạn 20 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án, nếu chưa nêu ra lý do kháng cáo, trong thời hạn 20 ngày sau khi đưa ra kháng cáo phải bổ sung đơn có nêu lý do cho Tòa án (đều phải đính kèm bản sao theo số

người của đương sự phía bên kia). Không trực tiếp nộp đơn vượt cấp của Tòa án.

五、不服刑事訴訟附帶民事訴訟判決

5.Không đồng ý với phán quyết của tố tụng hình sự đi kèm với tố tụng dân sự

《209》得上訴

對本判決如不服，非對刑事判決上訴時不得上訴，並應於送達後 20 日內，向本院提出上訴狀。

《209》Được kháng cáo

Khi không đồng ý với phán quyết này, khi kháng cáo về vụ án không phải là vụ án hình sự thì không được phép kháng cáo, sau khi tống đạt, trong thời hạn 20 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án.

貳、 抗告部分

II.Về việc kháng cáo

一、 裁定

1.Phán quyết

《210》得抗告

《210》Được kháng cáo

《210-1》（一般裁定）

如不服本裁定，應於裁定送達後 10 日內向本院提出抗告狀。

《210-1》(Phán quyết chung)

Khi không đồng ý với phán quyết này, sau khi phán quyết tống đạt, trong thời hạn 10 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án.

《210-2》（開始再審裁定抗告期間之特別規定）

如不服本裁定，應於裁定送達後 3 日內向本院提出抗告狀。

《210-2》(Quy định đặc biệt về việc bắt đầu xét xử lại phán quyết về khoảng

thời gian kháng cáo)

Khi không đồng ý với phán quyết này, sau khi tống đạt, trong thời hạn 3 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án.

《210-3》（以無再審理由駁回再審裁定抗告期間之特別規定）

如不服本裁定，應於裁定送達後 10 日內向本院提出抗告狀。

《210-3》(Quy định đặc biệt về việc bác bỏ xét xử lại phán quyết về khoảng thời gian kháng cáo do không có lý do xét xử lại)

Khi không đồng ý với phán quyết này, sau khi tống đạt, trong thời hạn 10 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án.

《210-4》（駁回聲請提審裁定抗告期間之特別規定）

如不服本裁定，應於裁定送達後 10 日內向本院提出抗告狀。

《210-4》(Quy định đặc biệt trong khoảng thời gian kháng cáo giành cho việc bác bỏ đề nghị đưa ra xét xử)

Khi không đồng ý với phán quyết này, sau khi phán quyết tống đạt, trong thời hạn 10 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án.

《210-5》（社會秩序維護法案件）

如不服本裁定，得於裁定書送達之翌日起 5 日內，以書狀敘述理由，向本庭提起抗告（須附繕本）。

《210-5》(Vụ kiện về luật duy trì và bảo đảm trật tự xã hội)

Khi không đồng ý với phán quyết này, sau khi văn bản phán quyết tống đạt, trong thời hạn 5 ngày, có thể nộp văn bản trình bày lý do cho Tòa án để đưa ra kháng cáo (cần đính kèm bản sao).

《211》不得抗告

《211》Không được kháng cáo

《211-1》（一般裁定）

不得抗告。

《211-1》(Phán quyết chung)

Không được kháng cáo.

《211-2》（附帶民事訴訟裁定移送民事庭）

不得抗告。

《211-2》(Đi kèm phán quyết tố tụng dân sự chuyển giao cho phiên tòa dân sự)

Không được kháng cáo.

《212》不得再抗告

《212》Không được kháng cáo lần nữa

《212-1》（一般裁定）

不得再抗告。

《212-1》(Phán quyết chung)

Không được kháng cáo lần nữa.

《212-2》（社會秩序維護法案件抗告法院之裁定）

本裁定不得再抗告。

《212-2》(Phán quyết của Tòa án tiếp nhận kháng cáo của vụ kiện theo quy định của luật duy trì và bảo đảm trật tự xã hội)

Phán quyết này không được kháng cáo lần nữa.

二、 審判長、受命法官、受託法官、或檢察官所為第 416 條第 1 項之處分（準抗告）

2.Chủ tọa Phiên tòa, Thẩm phán nhận lệnh làm nhiệm vụ, Thẩm phán được ủy thác nhiệm vụ, hoặc Kiểm Sát Viên ra Phán quyết kỷ luật theo quy định của khoản 1 điều 416 (cho phép kháng cáo)

《213》準抗告

得於 10 日內以書狀敘述理由，向法院聲請撤銷或變更。

《213》Cho phép kháng cáo

Trong thời hạn 10 ngày, nộp đơn trình bày lý do cho Tòa án để xin hủy

bỏ hoặc thay đổi.

參、覆審

III. Phúc thẩm

《214》聲請覆審

(刑事補償事件聲請人對於受理補償事件機關之決定不服)

如不服本決定書，應於收受決定書後 20 日內，以書狀敘述理由，向本院提出聲請覆審狀，經由本院向司法院刑事補償法庭聲請覆審。

補償支付之請求，應於本補償決定書送達後 5 年內，以書狀並附戶籍謄本向本院為之，逾期不為請求者，其支付請求權消滅。

《214》Đề nghị phúc thẩm

(Người đề nghị yêu cầu giải quyết bồi thường thiệt hại trong vụ án hình sự không đồng ý với Phán quyết của cơ quan có trách nhiệm bồi thường)

Khi không đồng ý với văn bản phán quyết này, sau khi nhận được văn bản Phán quyết, trong thời hạn 20 ngày phải nộp đơn trình bày lý do cho Tòa án để đề nghị phúc thẩm, do Tòa án đề nghị Phiên tòa của Viện Tư Pháp phúc thẩm về việc bồi thường thiệt hại trong vụ án hình sự.

Yêu cầu chi trả khoản bồi thường, sau khi văn bản phán quyết về việc bồi thường tống đạt, trong thời hạn 5 năm phải nộp đơn, đính kèm bản sao sổ hộ khẩu cho Tòa án, quá hạn không đưa ra yêu cầu, xem như mất quyền yêu cầu chi trả.

參、 申復、復審

IV.Khiếu nại lần nữa để khôi phục lại, xét xử lại

《215》申復、復審

（不服司法院性騷擾申訴處理評議委員會申訴決議）

對本決議有異議者，請依司法院工作場所性騷擾防治措施申訴及處理要點第 7 點規定，得於收到書面通知次日起 20 日內，向司

法院性騷擾申訴處理評議委員會提出申復。但申復之事由發生在後或知悉在後者，其申復之 20 日期間自知悉時起算。申復應以書面敘述理由，連同原申訴決議書影本，向司法院性騷擾申訴處理評議委員會為之；亦得於收到書面通知次日起 30 日內，繕具復審書經由本院向公務人員保障暨培訓委員會提起復審。前開申訴案經結案後，不得就同一事由再提出。

《215》Khiếu nại lần nữa để khôi phục lại, xét xử lại

(Không đồng ý với quyết nghị về việc giải quyết khiếu nại của Ủy ban trực thuộc Viện Tư Pháp bình nghị xử lý khiếu nại về việc quấy rối tình dục)

Nếu không đồng ý về quyết nghị này, hãy căn cứ theo điểm 7, quy định khiếu nại và xử lý về biện pháp phòng chống tệ nạn quấy rối tình dục tại nơi làm việc của Viện Tư Pháp, sau khi nhận được văn bản thông báo, trong thời hạn 20 ngày, nộp đơn khiếu nại lại để được khôi phục lại cho Ủy ban trực thuộc Viện Tư Pháp bình nghị xử lý khiếu nại việc quấy rối tình dục. Nhưng lý do khiếu nại lại để được khôi phục lại là sau này mới phát sinh hoặc là sau này mới biết được, khoảng thời gian 20 ngày để thực hiện việc khiếu nại lại để được khôi phục lại là tính từ ngày biết được. Lý do khiếu nại lại để được khôi phục lại phải được trình bày bằng văn bản, đính kèm bản chụp của văn bản quyết nghị về việc giải quyết khiếu nại ban đầu mà nộp cho Ủy ban trực thuộc Viện Tư Pháp bình nghị xử lý khiếu nại việc quấy rối tình dục; trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kế tiếp của ngày nhận được văn bản thông báo, nộp đơn đính kèm đề nghị xét xử lại cho Tòa án, và do Tòa án đề nghị Ủy ban bảo đảm viên chức, công chức và bồi dưỡng đào tạo thực hiện việc xét xử lại. Sau khi vụ án khiếu nại đã được kết án, không được phép dựa trên cùng một lý do khiếu nại lần nữa.